

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:44/2022/HNGĐ-ST

Ngày 6/4/2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Đình Đạt.

2. Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh B.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 6/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX-ST ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐ-ST ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988.

HKTT: thôn Thủ Dương, xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B.

(Hiện đang lao động và cư trú ở Đài Loan, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngô Xuân Th, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

HKTT: thôn Thủ Dương, xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

HKTT: thôn Thủ Dương, xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B

- Bà Lưu Thị D, sinh năm 1963 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

HKTT: thôn Thủ Dương, xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, chị kết hôn với anh Ngô Xuân Th. Năm 2008, chị và anh Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B. Thời gian đầu khi mới kết hôn, chị và anh Th chung sống khá hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng đôi khi có phát sinh mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chị và anh Th đều tự giải quyết được với nhau.

Năm 2011, do điều kiện kinh tế khó khăn, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi chị đi nước ngoài, vợ chồng chị sống xa cách, không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng cũng vì thế mà phát sinh ngày một nhiều, với mức độ cũng ngày một trầm trọng hơn. Mặc dù, chị và anh Th có quan hệ vợ chồng nhưng thân ai người đó lo, cuộc sống luôn thiếu sự quan tâm, động viên, chăm sóc, chia sẻ. Bản thân anh Th ở nhà cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên đã mong muốn ly hôn. Chính vì vậy, chị đã cố gắng chủ động liên hệ, hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả.

Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th đã không còn, tình trạng hôn nhân đã không thể cứu vãn chị và anh chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Ngô Xuân Th.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, chị và anh Th có 02 con chung là các cháu Ngô Ánh Ng, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Ngô Xuân Th, sinh ngày 01/6/2010. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho chị nuôi dưỡng. Do chị nhận thấy chị là người có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng các con tốt hơn anh Th. Khoảng tháng 7 năm 2020, anh Th bị tai nạn giao thông và hiện vẫn đang nằm điều trị tại Bệnh viện từ đó tới nay, không có khả năng lao động và sống hoàn toàn phụ thuộc vào gia đình. Gia đình anh Th có bố mẹ già, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc các cháu, đồng thời cũng không có điều kiện kinh tế để chăm lo cho các cháu một cách tốt nhất. Trường hợp giao con cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Th không có tài sản chung. Vì vậy, chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Về công nợ chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Th không có công nợ chung nào với ai, cũng không cho ai vay nợ chung vì vậy chị đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2021, anh Ngô Xuân Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th, kết hôn với nhau ngày 5/12/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B. Trước khi kết hôn anh và chị Th có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến năm 2011 chị Nguyễn Thị Th làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, thời gian đầu khi chị Th sang Đài Loan vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại hỏi thăm sức khỏe, cuộc sống hằng ngày. Do điều kiện vợ chồng cách xa nhau cho nên việc hỏi thăm cũng thưa dần. Thời gian khoảng tháng 7/2020 anh Th bị tai nạn lao động, không còn khả năng lao động. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Th có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Ánh Ng, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Ngô Xuân Th, sinh ngày 01/6/2010. Vợ chồng ly hôn chị Th có nguyện vọng nuôi 02 con chung, anh đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th không có yêu cầu anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ chung: Anh Ngô Xuân Th xác định vợ chồng có công nợ chung, công nợ cụ thể như thế nào sau này anh sẽ cung cấp sau. Nay anh chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung.

Tại Bản tự khai ngày 20/12/2021 bà Lưu Thị D và ông Nguyễn Văn S là bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Th, trình bày: Chị Th và anh Th kết hôn với nhau ngày 5/12/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B. Năm 2011 chị Th làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, hiện nay chị Th vẫn đang sinh sống và lao động ở Đài Loan. Vợ chồng anh Th và chị Th có 02 con chung là cháu Ngô Ánh Ng, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Ngô Xuân Th, sinh ngày 01/6/2010. Thời gian tháng 7/2020 anh Th bị tai nạn lao động, không còn khả năng lao động. Cháu Ngô Xuân Th và cháu Ngô Ánh Ng do vợ chồng ông bà chăm sóc và nuôi dưỡng. Vợ chồng chị Th anh Th ly hôn ông bà đề nghị Tòa án tạm giao 02 con chung của anh Th và chị Th cho ông bà nuôi dưỡng đến khi chị Th về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi 02 cháu ông bà không có ý kiến gì.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 20/12/2021 cháu Ngô Ánh Ng và cháu Ngô Xuân Th trình bày: Trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị Th. Từ khi bố các cháu bị tai nạn tháng 7/2020, các cháu ở cùng với ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn S và bà Lưu Thị D.

Tại đơn trình bày ngày 8/02/2022 ông Ngô Văn T là bố đẻ anh Ngô Xuân Th trình bày: Trong thời gian vợ chồng chị Th và anh Th chung sống với nhau, vợ chồng có vay nợ bà Đinh Thị Llà 5 chỉ vàng và 2.000.000 đồng.

Tại Đơn đề nghị ngày 17/02/2022 bà Đinh Thị Lcó Đơn đề nghị trình bày ý kiến về khoản vay nợ: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Th, anh Ngô Xuân Th có quen biết với bà. Ngày 27/02/2010 chị Nguyễn Thị Th có vay nợ bà số tiền 2.000.000 đồng, đến ngày 5/5/2011 chị Nguyễn Thị Th lại tiếp tục vay bà 5 chỉ vàng khi vay 02 bên có viết giấy vay nợ. Khi vay có ông Ngô Văn T là bố đẻ anh Th làm chứng. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/03/2022, UBND xã Nam D đã cung cấp cho Tòa án: Trường hợp anh Ngô Xuân Th, sinh năm 1985, có đăng ký hôn khẩu thường trú tại thôn Thủ Dương, xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B. Khoảng thời gian năm 2020, anh Th bị tai nạn lao động, hoạt động lao động và hoạt động của anh Th là khó khăn, không tự đi lại được, sinh hoạt hằng ngày do gia đình chăm sóc. Nhận thức và ý thức anh Th vẫn tỉnh táo, nói chuyện và trình bày suy nghĩ bình thường.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Ngô Xuân Th, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị D và ông Nguyễn Văn S, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Th, lời khai của anh Ngô Xuân Th và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Ngô Xuân Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào quy định của pháp luật HĐXX xét xử vắng mặt anh Th là đúng theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; Điều 150 BLTTDS; khoản 1, 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th

Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Ngô Xuân Th.

Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Ánh Ng, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Ngô Xuân Th, sinh ngày 01/6/2010 cho chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Văn S và bà Lưu Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng, cháu Th trong thời gian chị Th lao động tại nước ngoài.

Tài sản chung, công nợ chung: Chị Th, anh Th không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và số tiền 3.200.000 đồng chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự, chị Nguyễn Thị Th là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị D và ông Nguyễn Văn S, đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn S, bà Lưu Thị D.

Đối với bị đơn anh Ngô Xuân Th vắng mặt tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Th để giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Th, nhưng anh Th không ký nhận, Tòa án giao cho bà Trần Thị Phương là mẹ kế anh Th, cùng cư trú và lập biên bản cùng sự chứng kiến của Cán bộ Tư pháp xã Nam D, huyện Lục Ng nhưng anh Th vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Th theo thủ tục chung.

[2]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày chị hiện nay đang lao động và cư trú ở Đài Loan. Chị đã gửi đơn khởi kiện, Đơn xin xét xử vắng mặt, Giấy ủy quyền, Đơn đề nghị giám định, Bản tự khai. Những tài liệu này đều có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của chị Nguyễn Thị Th. Tại Kết luận số 64/KL-KTHS ngày 11/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh B, đã kết luận, các dấu vân tay và chữ ký (dạng chữ viết) trên các mẫu giám định theo Quyết định trưng cầu giám định “là do cùng một người viết ra”. Tại công văn số 32280/QLXNC-P5 ngày 30/12/2021 đã xác nhận “chị Nguyễn Thị Th đã xuất

cảnh ngày 22/7/2011, hiện chưa có thông tin nhập cảnh”. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng nhưng anh Th từ chối nhận, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Xuân Th theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân:Chị Nguyễn Thị Th và anh Ngô Xuân Th kết hôn ngày 05/12/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam D, huyện Lục Ng, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Ngô Xuân Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2011, chị Th làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Từ khi chị Th đi nước ngoài, vợ chồng sống xa cách, không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng cũng vì thế mà phát sinh ngày một nhiều, với mức độ cũng ngày một trầm trọng hơn. Mặc dù, chị Th và anh Th có quan hệ vợ chồng nhưng thân ai người đó lo, cuộc sống luôn thiếu sự quan tâm, động viên, chăm sóc, chia sẻ. Chị Th có đơn xin ly hôn anh Th cũng đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Xử: cho chị Th được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Ánh Ng, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Ngô Xuân Th, sinh ngày 01/6/2010. Theo trình bày của anh Th, anh bị tai nạn lao động từ tháng 7/2020 không có khả năng lao động để chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, chị Th có nguyện vọng nuôi 02 con chung anh đồng ý để chị Th nuôi. Nguyện vọng của chị Th đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của chị Th và ý kiến của anh Th, khả năng điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung của chị Th và anh Th. Cháu Ng và cháu Th đều có nguyện vọng được ở với chị Th. Do vậy, HĐXX quyết định giao cháu Ng và cháu Th cho chị Th chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Do anh Th không còn khả năng lao động, chị Th đang lao động và cư trú ở nước ngoài. Cháu Ng và cháu Th hiện nay đang do ông bà ngoại là bà Lưu Thị D

và ông Nguyễn Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Dĩ, ông S đồng ý nuôi dưỡng cháu Ng và cháu Th trong thời gian chị Th ở nước ngoài. HĐXX xét thấy, cần tạm giao cháu Ng và cháu Th cho bà Lưu Thị D và ông Nguyễn Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Th ở nước ngoài.

Về tài sản chung: Vợ chồng trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Ngô Xuân Th trình bày, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có vay nợ của bà Đinh Thị Lợi. Ngày 17/02/2022 bà Đinh Thị L nộp cho Tòa án Đơn đề nghị, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay nợ của vợ chồng anh Th, chị Th. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có nhận được đơn trình bày của ông Ngô Xuân Tín là bố đẻ anh Th đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ của anh Th, chị Th đối với bà L để đỡ gánh nặng cho gia đình ông. HĐXX xét thấy, đối với khoản nợ 2.000.000 đồng và 05 chỉ vàng vay của bà L chưa có yêu cầu giải quyết. Khi nào bà Lợi, anh Th, chị Th có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Th đã nộp đủ.

[5]. Về chi phí giám định: Chị Th có đơn đề nghị giám định dấu vân tay của chị trên các tài liệu chị gửi cho Tòa án, nên chị Th phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác nhận chị Th (do chị Bùi Thị Ph nộp thay) đã nộp đủ số tiền 3.240.000 đồng chi phí giám định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 104; Điều 113 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 159; khoản 4 điểm c khoản 5 điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Ngô Văn Thắng.

[2]. Về con chung: 02 con chung là cháu Ngô Ánh Ng, sinh ngày 19/5/2007 và cháu Ngô Xuân Th, sinh ngày 01/6/2010 cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Tạm giao cháu Ng và cháu Th cho bà Lưu Thị D và ông Nguyễn Văn S (là ông bà Ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Th ở nước ngoài. Anh Ngô Xuân Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000248 ngày 20/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ.

[4]. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 3.240.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận chị Th (do chị Bùi Thị Ph nộp thay) đã nộp đủ số tiền chi phí giám định.

[5]. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Th hiện đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Nam D, huyện Lục Ng;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Lý Đình Đạt

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Lý Đình Đạt

Trần Thị Hà

